

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

đã được kiểm toán



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

A member of **HLB** International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-25
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Quyết định sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số 323/UBCK-GP ngày 18 tháng 05 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1 & 5, Tòa nhà Đào Duy Anh, Số 09 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Lê	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hồng Thái	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên
Bà Đinh Thị Tiểu Phương	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Sử	Ủy viên
Ông Trần Thoại	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Lâm	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Đình Lợi	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/05/2011
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/05/2011
Ông Nguyễn Quang Vinh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2011
Ông Bùi Quang Bách	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Bà Đàm Ngọc Bích	Ủy viên
Ông Lương Đức Chính	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Tầng 1 & 5, Tòa nhà Đào Duy Anh, Số 09 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà nội

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc


Bùi Thị Minh Tâm
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2011



Số: 990 /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 11 tháng 07 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính: Tại thời điểm 30/06/2011, do không có cơ sở xác định giá giao dịch của các cổ phiếu chưa niêm yết nên Công ty không có cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư này.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2011

Trần Quang Mậu
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0668/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1,038,772,471,397	1,938,613,080,962
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	148,858,864,163	249,789,096,622
111	1. Tiền		148,858,864,163	249,789,096,622
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	490,688,369,789	873,162,912,808
121	1. Đầu tư ngắn hạn		655,738,969,279	950,453,481,557
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(165,050,599,490)	(77,290,568,749)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		372,211,465,703	791,552,322,476
131	1. Phải thu của khách hàng		938,000,000	1,926,538,482
132	2. Trả trước cho người bán		780,466,870	3,130,452,697
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	7,495,580,422
138	5. Các khoản phải thu khác	6	495,202,770,217	778,999,750,875
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(124,709,771,384)	-
140	IV. Hàng tồn kho	7	93,125,750	126,236,143
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		26,920,645,992	23,982,512,913
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		219,849,048	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	12,188,448,530	12,188,448,530
154	4. Tài sản ngắn hạn khác		14,512,348,414	11,794,064,383
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		96,553,784,342	97,113,957,612
220	II. Tài sản cố định	9	20,129,550,807	23,068,586,439
221	1. Tài sản cố định hữu hình		7,761,491,275	9,023,849,561
222	- Nguyên giá		16,051,982,260	15,454,691,626
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8,290,490,985)	(6,430,842,065)
227	3. Tài sản cố định vô hình		12,368,059,532	14,044,736,878
228	- Nguyên giá		18,521,023,850	18,130,209,850
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6,152,964,318)	(4,085,472,972)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	66,306,000,000	66,306,000,000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		66,900,000,000	66,900,000,000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(594,000,000)	(594,000,000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		10,118,233,535	7,739,371,173
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	5,430,985,883	4,118,331,486
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	2,301,929,567	1,235,721,602
268	4. Tài sản dài hạn khác		2,385,318,085	2,385,318,085
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1,135,326,255,739	2,035,727,038,574

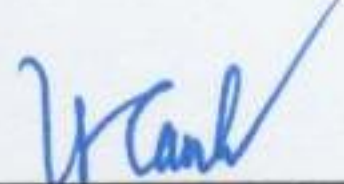
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 30 tháng 06 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		392,805,126,784	875,205,324,581
310	I. Nợ ngắn hạn		392,661,062,468	875,046,587,765
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	285,000,000,000	567,500,000,000
312	2. Phải trả người bán		2,195,004,804	2,167,596,712
313	3. Người mua trả tiền trước		1,702,349,000	1,483,349,000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1,268,540,034	1,660,488,256
315	5. Phải trả người lao động		1,495,366,023	1,468,033,106
316	6. Chi phí phải trả	15	28,065,494,124	12,642,601,224
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	69,604,997,839	285,105,477,359
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	750,472,600	1,292,352,832
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1,105,507,825	688,064,048
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1,449,568,366	1,038,625,228
328	14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		23,761,853	-
330	II. Nợ dài hạn		144,064,316	158,736,816
333	3. Phải trả dài hạn khác		25,000,000	25,000,000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		119,064,316	133,736,816
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		742,521,128,955	1,160,521,713,993
410	I. Vốn chủ sở hữu		742,521,128,955	1,160,521,713,993
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		108,232,552,000	108,232,552,000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7,420,555,826	5,356,947,980
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1,550,000,000)	(1,550,000,000)
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7,420,555,826	5,356,947,980
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(379,002,534,697)	43,125,266,033
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1,135,326,255,739	2,035,727,038,574

1353 - C
CÔNG TY
CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI
VỤ TỰ VÀ
HÌNH KẾ T
A KIỂM T

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
006	6. Chứng khoán lưu ký		2,436,967,990,000	2,623,165,930,000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		1,670,933,820,000	1,747,638,930,000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		70,681,960,000	119,293,670,000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		1,600,251,860,000	1,628,345,260,000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		653,073,870,000	791,479,280,000
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		28,370,200,000	8,370,140,000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		624,703,670,000	783,109,140,000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		82,317,400,000	55,500,000,000
018	- Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký		24,200,000,000	55,500,000,000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		58,117,400,000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		30,642,900,000	27,045,100,000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		9,727,300,000	3,412,400,000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		20,915,600,000	23,632,700,000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		-	1,373,620,000
038	- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		-	250,000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		-	1,373,370,000
042	6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		-	129,000,000
044	- Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước		-	129,000,000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		49,573,170,000	49,877,350,000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		34,704,660,000	34,335,390,000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		34,704,660,000	34,335,390,000
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		14,851,510,000	14,794,960,000
058	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		14,851,510,000	14,794,960,000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		17,000,000	747,000,000
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		17,000,000	747,000,000
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		16,230,280,000	16,452,130,000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		380,591,390,000	504,156,700,000


Uông Văn Hạnh
Kế toán trưởng



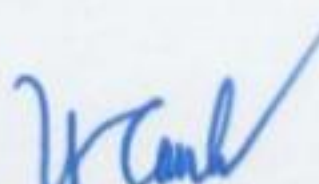

Bùi Thị Minh Tâm
Phó Tổng Giám đốc


Lập, ngày 11 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu	19	95,967,404,826	128,079,996,027
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		3,451,344,604	9,679,680,631
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		23,372,355,212	79,140,398,202
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	2,770,454,545
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		1,690,351,207	974,636,364
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		-	235,731,609
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		87,933,307	-
01.9	Doanh thu khác		67,365,420,496	35,279,094,676
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		17,342,004	39,381,043
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		95,950,062,822	128,040,614,984
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	334,178,313,365	29,316,658,612
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(238,228,250,543)	98,723,956,372
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	144,002,368,994	13,101,486,753
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(382,230,619,537)	85,622,469,619
31	8. Thu nhập khác		1,227,637	1,650,303
32	9. Chi phí khác		-	20
40	10. Lợi nhuận khác		1,227,637	1,650,283
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(382,229,391,900)	85,624,119,902
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	20,410,749,791
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(382,229,391,900)	65,213,370,111
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	(3,828)	1,062


Uông Văn Hạnh
Kế toán trưởng


Bùi Thị Minh Tâm
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 11 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

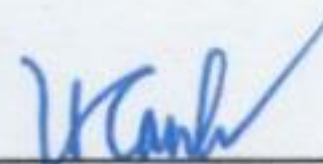
Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(382,229,391,900)	85,624,119,902
02	Khấu hao tài sản cố định		3,948,961,245	2,153,969,746
03	Các khoản dự phòng		212,469,802,125	(15,771,462,589)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(30,354,362,767)	(10,382,356,276)
06	Chi phí lãi vay		40,098,307,743	8,623,239,336
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(156,066,683,554)	70,247,510,119
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		288,999,150,119	(182,914,275,913)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		33,110,393	(4,636,116)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(218,650,751,459)	212,296,140,119
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(1,532,503,445)	791,791,750
13	Tiền lãi vay đã trả		(24,827,727,368)	(6,012,392,114)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(7,349,760,532)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1,227,637	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(429,172,500)	(507,978,000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(112,473,350,177)	86,546,399,313
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1,012,508,034)	(1,520,955,271)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2,000,000,000)	(105,307,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		135,000,000,000	40,908,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(404,940,231,640)	(327,308,383,862)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		566,654,743,918	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		32,203,160,825	7,621,045,347
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		325,905,165,069	(385,607,293,786)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	695,802,552,000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		186,116,024,580	425,124,980,610
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(468,616,024,580)	(495,124,980,610)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(31,862,047,351)	(45,797,495,410)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(314,362,047,351)	580,005,056,590
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(100,930,232,459)	280,944,162,117

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		249,789,096,622	103,805,089,379
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	148,858,864,163	384,749,251,496


Uông Văn Hạnh
Kế toán trưởng


Bùi Thị Minh Tâm
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 11 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Thuyết minh	Đầu kỳ		Tăng		Giảm		Cuối kỳ	
	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	410,629,960,000	1,000,000,000,000	589,370,040,000	-	-	-	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	1,800,040,000	108,232,552,000	106,432,512,000	-	-	-	108,232,552,000	108,232,552,000
Vốn khác của chủ sở hữu	1,122,209,102	5,356,947,980	4,234,738,878	2,063,607,846	-	-	5,356,947,980	7,420,555,826
Cổ phiếu quỹ	(1,550,000,000)	(1,550,000,000)	-	-	-	-	(1,550,000,000)	(1,550,000,000)
Quỹ dự phòng tài chính	1,122,209,102	5,356,947,980	4,234,738,878	2,063,607,846	-	-	5,356,947,980	7,420,555,826
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	57,610,412,291	43,125,266,033	65,213,370,111	-	(55,980,328,826)	(422,127,800,730)	66,843,453,576	(379,002,534,697)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	470,734,830,495	1,160,521,713,993	769,485,399,867	4,127,215,692	(55,980,328,826)	(422,127,800,730)	1,184,239,901,536	742,521,128,955


Uông Văn Hạnh
Kế toán trưởngBùi Thị Minh Tâm
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 11 tháng 07 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Quyết định sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số 323/UBCK-GP ngày 18 tháng 05 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1 & 5, Tòa nhà Đào Duy Anh, Số 09 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng). Tương đương 100.000.000 cổ phần (Một trăm triệu cổ phần), mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các chi nhánh sau:

<u>Tên chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Số 141 - 143 - Hàm Nghi - Phường Nguyễn Thái Bình Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	Số 97 - Lê Lợi - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Tỉnh Nghệ An	Số 09 - Hồ Tùng Mậu - Phường Lê Mao - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.



Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh đã được trích lập 100% giá trị chênh lệch của khoản phải thu so với giá trị của tài sản đảm bảo.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	04 năm
- Phần mềm giao dịch, kế toán	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/ bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
Của Công ty Chứng khoán	19,662,440	351,246,955,000
- Cổ phiếu	19,662,400	351,246,645,000
- Chứng chỉ quỹ	40	310,000
Của người đầu tư	138,141,034	1,905,760,920,000
- Cổ phiếu	137,394,760	1,837,895,132,000
- Trái phiếu	673,104	67,471,900,000
- Chứng chỉ quỹ	73,170	393,888,000
	157,803,474	2,257,007,875,000

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền	148,858,864,163	249,789,096,622
- Tiền mặt tại quỹ	154,095,969	105,663,642
- Tiền gửi ngân hàng	99,621,570,818	175,273,136,226
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	48,449,225,902	72,443,844,888
- Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	39,827,155
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch của Công ty	285,273,300	1,260,110,824
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch của nhà đầu tư	348,698,174	666,513,887
	148,858,864,163	249,789,096,622

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Chứng khoán thương mại	621,724,366,797	771,967,274,825
- Chứng khoán niêm yết	420,908,309,753	460,042,352,033
- Chứng khoán chưa niêm yết	200,816,057,044	311,924,922,792
Đầu tư ngắn hạn khác	34,014,602,482	178,486,206,732
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	135,000,000,000
- Đầu tư trái phiếu	5,000,000,000	3,000,000,000
- Đầu tư ngắn hạn khác	29,014,602,482	40,486,206,732
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(165,050,599,490)	(77,290,568,749)
	490,688,369,789	873,162,912,808

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 30/06/2011 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết, do không có cơ sở xác định giá giao dịch của các cổ phiếu chưa niêm yết nên Công ty không có cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư này. Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá bình quân và đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày 30/06/2011.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	939,499,654	117,444,445
Phải thu về hợp đồng quyền chọn	26,134,551,500	26,727,000,000
Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phiếu	31,500,000,000	81,037,500,000
Phải thu về cổ tức	2,427,111,111	3,035,154,333
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	7,230,620,953	22,112,645,621
Phải thu gốc hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán OTC	16,807,751,659	174,675,670,758
Phải thu lãi hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán OTC	2,111,250,394	4,137,851,457
Phải thu gốc hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết	371,303,437,004	422,925,085,144
Phải thu lãi hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết	18,497,853,231	14,501,864,714
Phải thu khác	18,250,694,711	29,729,534,403
	495,202,770,217	778,999,750,875

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	93,125,750	126,236,143
	93,125,750	126,236,143

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	12,188,448,530	12,188,448,530
	12,188,448,530	12,188,448,530

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1 & 5, Tòa nhà Đào Duy Anh, Số 09 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Phần mềm giao dịch, kế toán	Phần mềm quản lý khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	11,706,429,589	3,294,576,582	453,685,455	18,130,209,850	-	33,584,901,476
Số tăng trong kỳ	578,144,825	-	43,549,209	-	390,814,000	1,012,508,034
- Mua sắm mới	578,144,825	-	43,549,209	-	390,814,000	1,012,508,034
Số giảm trong kỳ	(24,403,400)	-	-	-	-	(24,403,400)
- Thanh lý, nhượng bán	(24,403,400)	-	-	-	-	(24,403,400)
Số dư cuối kỳ	12,260,171,014	3,294,576,582	497,234,664	18,130,209,850	390,814,000	34,573,006,110
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	5,106,319,419	1,157,684,651	166,837,995	4,085,472,972	-	10,516,315,037
Số tăng trong kỳ	1,547,520,744	274,548,048	59,401,107	2,018,877,014	48,614,332	3,948,961,245
- Trích khấu hao	1,547,520,744	274,548,048	59,401,107	2,018,877,014	48,614,332	3,948,961,245
Số giảm trong kỳ	(21,820,979)	-	-	-	-	(21,820,979)
- Thanh lý, nhượng bán	(21,820,979)	-	-	-	-	(21,820,979)
Số dư cuối kỳ	6,632,019,184	1,432,232,699	226,239,102	6,104,349,986	48,614,332	14,443,455,303
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Đầu kỳ	6,600,110,170	2,136,891,931	286,847,460	14,044,736,878	-	23,068,586,439
Cuối kỳ	5,628,151,830	1,862,343,883	270,995,562	12,025,859,864	342,199,668	20,129,550,807

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.152.169.861 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1 & 5, Tòa nhà Đào Duy Anh, Số 09 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 30/06/2011	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	
1,000,000,000,000	Nguyên giá	34,573,006,110	3%
	Khấu hao	(14,443,455,303)	
	Giá trị còn lại	20,129,550,807	2%

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	66,900,000,000	66,900,000,000
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	66,900,000,000	66,900,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(594,000,000)	(594,000,000)
	<u>66,306,000,000</u>	<u>66,306,000,000</u>

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	240,408,870	34,959,102
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	32,850,004
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1,587,345,421	1,328,719,487
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	2,825,543,083	1,010,335,766
Chi phí trả trước dài hạn khác	777,688,509	1,711,467,127
	<u>5,430,985,883</u>	<u>4,118,331,486</u>

12 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	2,111,475,846	1,089,718,829
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	70,453,721	26,002,773
Số dư cuối kỳ	<u>2,301,929,567</u>	<u>1,235,721,602</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1 & 5, Tòa nhà Đào Duy Anh, Số 09 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	285,000,000,000	567,500,000,000
Vay ngân hàng	35,000,000,000	285,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	185,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	35,000,000,000	100,000,000,000
Vay đối tượng khác	-	32,500,000,000
- Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	-	32,500,000,000
Trái phiếu SHS_Bond.250.2010	250,000,000,000	250,000,000,000
- Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	250,000,000,000	250,000,000,000
	285,000,000,000	567,500,000,000

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	54,574,529	214,541,089
Thuế Thu nhập cá nhân	1,213,965,505	1,445,947,167
	1,268,540,034	1,660,488,256

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	27,322,592,513	12,052,012,138
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	742,901,611	580,730,000
Chi phí phải trả khác	-	9,859,086
	28,065,494,124	12,642,601,224

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	39,661,230	44,400,550
Bảo hiểm xã hội	293,795,480	12,248,340
Bảo hiểm y tế	63,901,530	-
Bảo hiểm thất nghiệp	26,708,680	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư	46,928,638,582	72,059,293,846
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	16,845,000,000	210,821,333,333
Phải trả cổ tức cho cổ đông	3,259,568,219	175,865,570
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,147,724,118	1,992,335,720
	69,604,997,839	285,105,477,359

17 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	750,472,600	789,213,600
Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành	-	380,492,686
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	122,646,546
	750,472,600	1,292,352,832

18 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
- Vốn góp đầu kỳ	1,000,000,000,000	410,629,960,000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	589,370,040,000
- Vốn góp cuối kỳ	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	34,945,750,000	45,816,955,520
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	34,945,750,000	45,816,955,520

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01-2011/NQ-DHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2011, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận của năm 2010 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010		41,495,182,568
Thu nhập từ đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ		223,025,649
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để trích lập các quỹ	100%	41,272,156,919
Trích quỹ dự phòng tài chính	5%	2,063,607,846
Trích quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ	5%	2,063,607,846
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2%	825,443,138
Chi trả cổ tức	85%	34,945,750,000
Lợi nhuận để lại	3%	1,373,748,089

b) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100,000,000	100,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100,000,000	100,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	100,000,000	100,000,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155,000	155,000
- Cổ phiếu phổ thông	155,000	155,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99,845,000	99,845,000
- Cổ phiếu phổ thông	99,845,000	99,845,000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1 & 5, Tòa nhà Đào Duy Anh, Số 09 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	95,967,404,826	128,079,996,027
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3,451,344,604	9,679,680,631
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	23,372,355,212	79,140,398,202
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	2,770,454,545
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1,690,351,207	974,636,364
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	-	235,731,609
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	87,933,307	-
- Doanh thu từ lãi tiền gửi và các hợp đồng hợp tác kinh doanh	67,310,959,741	35,279,094,676
- Doanh thu khác	54,460,755	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(17,342,004)	(39,381,043)
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	95,950,062,822	128,040,614,984

20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	473,931,345	1,075,810,741
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	188,223,982,934	25,028,739,229
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	280,000,000	262,500,000
Chi phí hoạt động tư vấn	612,823,133	48,992,395
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	531,323,283	92,006,921
Chi phí dự phòng	87,760,030,741	(15,771,462,589)
Chi phí cho thuê sử dụng tài sản	-	709,328,066
Chi phí lãi vay	40,098,307,743	-
Chi phí khác	-	8,623,239,336
Chi phí trực tiếp chung	16,197,914,186	9,247,504,513
- Chi phí nhân viên	6,942,522,542	4,078,025,349
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	416,302,563	282,196,967
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,761,573,375	781,523,010
- Chi phí khác bằng tiền	7,077,515,706	4,105,759,187
	334,178,313,365	29,316,658,612

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8,885,292,726	5,275,453,031
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	661,716,390	404,389,597
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,187,387,870	1,372,446,736
Thuế, phí và lệ phí	49,808,000	176,773,000
Chi phí dự phòng	124,709,771,384	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,286,018,031	2,665,115,192
Chi phí khác bằng tiền	3,222,374,593	3,207,309,197
	144,002,368,994	13,101,486,753

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(382,229,391,900)	65,213,370,111
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(382,229,391,900)	65,213,370,111
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	99,845,000	61,421,981
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3,828)	1,062

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1 & 5, Tòa nhà Đào Duy Anh, Số 09 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

28. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

a). Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Tư vấn và bảo lãnh phát hành	Lĩnh vực khác	Cộng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ bên ngoài	9,424,842,414	18,455,355,015	66,370,398,807	1,690,351,207	9,115,379	95,950,062,822
2	Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	137,213,624,099	277,052,008,928	40,354,790,641	3,326,356,167	20,233,902,524	478,180,682,359
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	(127,788,781,685)	(258,596,653,913)	26,015,608,166	(1,636,004,960)	(20,224,787,145)	(382,230,619,537)
4	Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản cố định	95,176,000	20,845,000	-	52,650,000	843,837,034	1,012,508,034
5	Tài sản bộ phận	342,948,932,955	559,525,730,900	176,178,498,497	933,000,000	-	1,079,586,162,352
6	Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	55,740,093,387	55,740,093,387
	Tổng tài sản	342,948,932,955	559,525,730,900	176,178,498,497	933,000,000	55,740,093,387	1,135,326,255,739
8	Nợ phải trả bộ phận	31,686,507,878	-	67,697,287,175	1,702,349,000	-	101,086,144,053
9	Nợ không phân bổ	-	-	-	-	291,718,982,731	291,718,982,731
	Tổng nợ phải trả	31,686,507,878	-	67,697,287,175	1,702,349,000	291,718,982,731	392,805,126,784

b). Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

STT	Chỉ tiêu	Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Đà Nẵng	Tỉnh Nghệ An	Tổng
		VND	VND	VND	VND	VND
1	Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ bên ngoài	91,937,902,600	3,408,971,559	496,229,155	106,959,508	95,950,062,822
2	Tài sản bộ phận	1,102,709,294,851	26,720,545,744	5,314,469,628	581,945,516	1,135,326,255,739
3	Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản cố định	656,687,586	288,838,225	46,137,223	20,845,000	1,012,508,034

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Bùi Thị Minh Tâm
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 11 tháng 07 năm 2011